

Số: 46 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố các thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển  
nông thôn thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố 52 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Quy định về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 22/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Đề án cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Lưu: VT, VP7/  
MT08/CBTTHC 1 C

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tông Quang Thìn**



**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46./QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung công việc	Thời gian giải quyết (Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)			Cơ chế thực hiện	
		Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết thực tế theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		Một cửa	Một cửa liên thông
			Trong ngày	Ghi giấy hẹn		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản</b>					
1	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	Ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường	x		x	
2	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc		01 ngày làm việc	x	
3	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
4	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	Trường hợp thay đổi nội dung: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Trường hợp Giấy xác nhận nội dung bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng : 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		

5	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
		Cấp Giấy xác nhận: 03 ngày làm việc		03 ngày làm việc		
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	15 ngày làm việc		15 ngày làm việc	x	
7	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày làm việc		15 ngày làm việc	x	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	05 ngày làm việc		05 ngày làm việc	x	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>					
1	Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án nhóm A: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Dự án nhóm B: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
		Dự án nhóm C: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc		



2	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
3	Nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>					
1	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
2	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
3	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
4	Đăng ký khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
5	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
6	Thẩm định, phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc		
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý,	07 ngày làm việc		07 ngày làm việc	x	

	hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của CITES					
8	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương quản lý	Thẩm định hồ sơ: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
		Cấp giấy phép khai thác: 03 ngày làm việc		03 ngày làm việc		
9	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	08 ngày làm việc		08 ngày làm việc	x	
10	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
11	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
12	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		x
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
13	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		x
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
14	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		



15	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
16	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
17	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
18	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		x
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
19	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định quy hoạch: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		x
		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành văn bản trả lời: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		

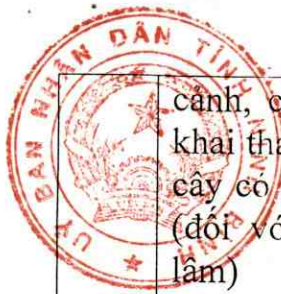
		UBND cấp tỉnh phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
20	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định quy hoạch: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		
		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành văn bản trả lời: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
		UBND cấp tỉnh phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
21	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	Thẩm định: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
		Phê duyệt: 30 ngày làm việc		30 ngày làm việc		
22	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	Thẩm định: 20 ngày làm việc		20 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 15 ngày làm việc		15 ngày làm việc		
23	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
24	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
25	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	Thẩm định: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
		Cấp chứng chỉ công nhận: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
26	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	



27	Thẩm định phê duyệt dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý)	Thẩm định: 18 ngày làm việc		18 ngày làm việc	x	
		Phê duyệt: 03 ngày làm việc		03 ngày làm việc		
28	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	20 ngày làm việc		20 ngày làm việc		
		Trường hợp cần phải xác minh thực địa: 35 ngày làm việc		35 ngày làm việc	x	
29	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	28 ngày làm việc		28 ngày làm việc	x	
30	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	33 ngày làm việc		33 ngày làm việc		
		Trường hợp cần phải xác minh thực địa: 48 ngày làm việc		48 ngày làm việc	x	
31	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	15 ngày làm việc		15 ngày làm việc	x	
32	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	30 ngày làm việc		30 ngày làm việc	x	



33	Giao rừng cho tổ chức	33 ngày làm việc		33 ngày làm việc	x	
34	Cho thuê rừng cho tổ chức	33 ngày làm việc		33 ngày làm việc	x	
35	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Thẩm định: 10 ngày làm việc		10 ngày làm việc	x	
		Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
36	Giao nộp gấu cho nhà nước	05 ngày làm việc		05 ngày làm việc	x	
37	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên; lâm sản sau chế biến từ gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu (đối với hộ gia đình, cá nhân và cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản có vi phạm các quy định của nhà nước về hồ sơ lâm sản hoặc chấp hành chưa đầy đủ các quy định của nhà nước); lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng (đối với địa phương không có Hạt Kiểm lâm)	03 ngày làm việc		03 ngày làm việc	x	
		Trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
38	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	03 ngày làm việc		03 ngày làm việc	x	
		Trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
39	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây	03 ngày làm việc		03 ngày làm việc	x	



	cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với các địa phương không có Hạt Kiểm lâm)	Trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
40	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)	03 ngày làm việc		03 ngày làm việc	x	
		Trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ: 05 ngày làm việc		05 ngày làm việc		
41	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng)	05 ngày làm việc		05 ngày làm việc	x	